

Nghiên cứu mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp đến sự phát triển của các làng nghề gỗ ở tỉnh Bắc Ninh

HOÀNG THỊ HẢO*

Tóm tắt

Bài viết đánh giá mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp và tác động của nó đến sự phát triển của các làng nghề gỗ tại tỉnh Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 nhân tố, gồm: Tuân thủ pháp luật có bằng chứng xác minh sự tuân thủ; Tuân thủ các quy định về vận chuyển buôn bán gỗ; Tuân thủ các quy định về chế biến gỗ; Tuân thủ các quy định về thuế đều có tương quan cùng chiều với chất lượng phát triển làng nghề gỗ ở tỉnh Bắc Ninh.

Từ khóa: tuân thủ pháp luật, tuân thủ vận chuyển buôn bán, tuân thủ chế biến gỗ, tuân thủ thuế

Summary

The paper assesses the compliance with regulations on controlling legal timber sources and its impact on the development of woodcraft villages in Bac Ninh province. The result identifies four factors positively correlated with the development quality of woodcraft villages in Bac Ninh province, which are Compliance with the law with evidence of compliance; Compliance with regulations on timber transportation and trade; Compliance with regulations on wood processing; Compliance with tax regulations.

Keywords: compliance with the law, compliance with transportation, compliance with wood processing, tax compliance

GIỚI THIỆU

Những năm qua, các làng nghề gỗ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh không những góp phần rất lớn trong việc giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, mà còn góp phần giải quyết các vấn đề xã hội ở khu vực nông thôn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc... Bên cạnh những mặt tích cực, làng nghề gỗ tỉnh Bắc Ninh, cũng như nhiều làng nghề khác đang đứng trước không ít khó khăn, thách thức trong việc duy trì phát triển sản xuất, như: nguồn vốn hạn hẹp; công nghệ, thiết bị lạc hậu; khả năng tổ chức quản lý còn hạn chế; trình độ tay nghề của người lao động chưa cao; nguyên liệu đầu vào ngày càng khan hiếm; sự cạnh tranh gay gắt từ

thị trường bên ngoài... Đặc biệt là trước bối cảnh về thực thi nguồn gốc gỗ hợp pháp giữa Việt Nam và EU đã ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển sản xuất, kinh doanh của làng nghề, đó là vấn đề cần được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền và nhân dân trong Tỉnh, cũng như trên địa bàn các làng nghề. Vì vậy, việc nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp đến sự phát triển của các làng nghề gỗ ở tỉnh Bắc Ninh là việc làm cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khi đánh giá mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp tại tỉnh Bắc Ninh, nghiên cứu sử dụng số liệu điều tra 200 hộ gia đình và công ty tại 3 làng nghề gỗ (Phù Khê, Đông Ky, Hương Mạc) tỉnh Bắc Ninh trong thời gian từ tháng 06/2018 đến tháng 09/2018. Sau đó, dữ liệu được đưa vào phần mềm SPSS 22.0 để phân tích.

Các thang đo được mô tả như Bảng 1.

* TS., Trường Đại học Lâm nghiệp

Ngày nhận bài: 03/03/2019; Ngày phân biên: 20/04/2019; Ngày duyệt đăng: 25/04/2019

BẢNG 1: THANG ĐO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TUẦN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT NGUỒN GỐC GỖ HỢP PHÁP TẠI TỈNH BẮC NINH

STT	Thang đo	Biến đặc trưng
1	Tuần thủ pháp luật có bằng chứng xác minh sự tuân thủ (TTPL)	TTPL1, TTPL2, TTPL3, TTPL4, TTPL5
2	Tuần thủ các quy định về vận chuyển buôn bán gỗ (TTVCBB)	TTVCBB1, TTVCBB2, VCBB3, VCBB4
3	Tuần thủ các quy định về chế biến gỗ (TTCBG)	TTCBG1, TTCBG2, TTCBG3
4	Tuần thủ các quy định về thuế (TTTHUE)	TTTHUE1, TTTHUE2, TTTHUE3
5	Đánh giá chung về mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp (SAT)	SAT1, SAT2, SAT3, SAT4

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO

STT	Thang đo	Biến đặc trưng	Cronbach's Alpha	Biến bị loại bỏ
1	TTPL	TTPL1, TTPL2, TTPL3, TTPL4, TTPL5	0.924	Không
2	TTVCBB	TTVCBB1, TTVCBB2, VCBB3, VCBB4	0.848	Không
3	TTCBG	TTCBG1, TTCBG2, TTCBG3	0.863	Không
4	TTTHUE	TTTHUE1, TTTHUE2, TTTHUE3	0.859	Không
5	SAT	SAT1, SAT2, SAT3, SAT4	0.767	Không

BẢNG 3: KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT'S TEST

KMO and Bartlett's Test			
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0.800	0.768
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1955.335	192.666
	df	136	6
	Sig.	0.000	0.000

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

BẢNG 4: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ HỘI TỤ CỦA CÁC NHÂN TỐ

Thang đo	Thang đo độc lập	Thang đo phụ thuộc
Tổng phương sai trích	72,877	58,976
Eigenvalues	2,233 (4)	2,359 (1)

Nguồn: Kết quả chạy xuất trên phần mềm SPSS 22.0

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Các thang đo đều được đánh giá thông qua hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha được thể hiện qua (Bảng 2).

Kết quả Bảng 2 cho thấy, trị số Cronbach's Alpha tổng thể của các thang đo TTPL, TTVCBB, TTCBG, TTTHUE và SAT đều lớn hơn 0,7. Hệ số tương quan biến-tổng của các biến quan sát trong thang đo đều đạt mức cao trên 0,5, do đó, các biến này đều thể hiện sự liên hệ với tổng thể thang đo mà các biến biểu diễn.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả kiểm định tính thích hợp của EFA bằng phương pháp kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) được nêu ở (Bảng 3) cho thấy, hệ số KMO đạt mức khá cao là 0,8 đối với biến độc lập và 0,768 đối với biến phụ thuộc. Do đó, thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$. Do vậy,

phân tích EFA là thích hợp cho bảng dữ liệu tổng thể.

Kiểm định Bartlett's Test xem xét giả thuyết H0 độ tương quan giữa các biến số bằng 0. Bảng 3 cho thấy, giá trị kiểm định Sig = 0,000 < 0,005. Do vậy, kiểm định Bartlett's Test có ý nghĩa thống kê và các biến có ý nghĩa với nhau trong tổng thể, do đó các kết luận từ phân tích nhân tố đảm bảo được độ tin cậy.

Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát đối với nhân tố được thể hiện qua (Bảng 4). Theo đó, chỉ tiêu giá trị tổng phương sai trích của các thang đo độc lập là 72,877% cho thấy, các nhân tố được đưa ra từ phân tích có thể giải thích được 72,877% sự biến thiên của dữ liệu khảo sát ban đầu, đây là tỷ lệ khá. Từ các phân tích trên có thể kết luận rằng, phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu tổng thể.

Kết quả Bảng 4 cũng cho thấy, hệ số Eigenvalues thể hiện sự hội tụ của các nhân tố cho thấy, tại nhân tố thứ 4, giá trị này cao hơn 1 mức gần nhất, với giá trị 2,233 do đó các biến quan sát ban đầu có sự hội tụ về 4 nhân tố. Từ đó, có thể xác định được 4 nhân tố đưa vào phân tích EFA.

Kết quả Bảng 5 cho thấy, 17 biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,7. Như vậy, 4 nhân tố đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề gỗ ở tỉnh Bắc Ninh bao gồm:

Nhân tố 1 (Component 1) bao gồm các biến TTPL1, TTPL2, TTPL3, TTPL4, TTPL5 đạt tên cho nhân tố này là F1 (Tuần thủ pháp luật có bằng chứng xác minh sự tuân thủ).

Nhân tố 2 (Component 2) bao gồm các biến TTVCBB1, TTVCBB2, TTVCBB3, TTVCBB4 đạt tên cho các nhân tố này là F2 (Tuần thủ các quy định về vận chuyển và buôn bán gỗ).

Nhân tố 3 (Component 3) bao gồm các biến TTCBG1, TTCBG2, TTCBG3, TTCBG4 đạt tên cho các nhân tố này là F3 (Tuần thủ các quy định về chế biến gỗ).

Nhân tố 4 (Component 4) bao gồm các biến TTTHUE1, TTTHUE2, TTTHUE3, TTTHUE4 đạt tên cho các nhân tố này là F4 (Tuần thủ các quy định về thuế).

Như vậy, thông qua việc phân tích nhân tố đối với dữ liệu khảo sát có thể thấy rằng, các biến quan sát biểu diễn cho từng nhân tố là giống với các biến quan sát được đề xuất từ thang đo ban đầu. Các nhân tố được đưa ra từ phân tích

EFA, được tính giá trị trung bình của các biến quan sát biểu diễn nhân tố đó, và sử dụng như là biến đại diện cho các nhân tố trong phân tích hồi quy.

Phân tích hồi quy bội

Kết quả phân tích hồi quy (Bảng 6) cho thấy, giá trị R² hiệu chỉnh đạt mức khá cao là 0,658. Điều này cho thấy, các nhân tố đưa ra từ mô hình có thể giải thích được 65,8% sự biến thiên của biến phụ thuộc là chất lượng mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp. Đây là một tỷ lệ cao, cho thấy sự phù hợp của mô hình lý thuyết với số liệu thu được từ khảo sát thực tế.

Giá trị Durbin-Watson trong phân tích bằng 1,866 nằm trong khoảng từ 1-3, điều này cho thấy, các biến độc lập không có sự tự tương quan với nhau, điều này đảm bảo cho kết quả phân tích hồi quy là có sự tin cậy.

Trong phân tích ANOVA, giá trị F= 93,648; Sig. =0,000 cho thấy, kết quả của phép phân tích hồi quy đã đảm bảo mức ý nghĩa thống kê. Theo kết quả từ bảng phân tích hồi quy, giá trị Sig. = 0,000 tại các dòng tương ứng với từng nhân tố trong mô hình, vì thế các nhân tố đều có sự ảnh hưởng tới biến phụ thuộc là chất lượng mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp.

Phương trình hồi quy được xây dựng như sau:

$$SAT = 0,41 * F1 + 0,502 * F2 + 0,350 * F3 + 0,234 * F4 + 0,569$$

Hệ số hồi quy được chuẩn hóa cho biết tầm quan trọng của các biến độc lập

trong mô hình. Các hệ số hồi quy chuẩn hóa có thể được chuyển đổi về dạng phần trăm được thể hiện trên (Bảng 7).

Kết quả Bảng 7 cho thấy, biến F1 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,196. Điều này có nghĩa là, khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về tuân thủ pháp luật có bằng chứng xác minh, thì chất lượng mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp tăng thêm 0,196 điểm.

Biến F2 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,281. Điều này có nghĩa là, khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về tuân thủ các quy định về vận chuyển và buôn bán gỗ, thì chất lượng mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp tăng thêm 0,281 điểm.

Biến F3 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa

BẢNG 5: MA TRẬN NHÂN TỐ XOAY

Biến	Nhân tố			
	1	2	3	4
TTPL1	,888			
TTPL2	,877			
TTPL3	,843			
TTPL4	,876			
TTPL5	,891			
TTVCBB1				,890
TTCVBB2				,800
TTVCBB3				,794
TTVCBB4				,805
TTCBG1		,864		
TTCBG2		,810		
TTCBG3		,819		
TTCBG4		,860		
TTTHUE1			,900	
TTTHUE2			,792	
TTTHUE3			,864	
TTTHUE4			,766	

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

BẢNG 6: KẾT QUẢ MÔ HÌNH HỒI QUY BỘI

Mô hình hồi quy (Model Summary)										
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics				Sig. F Change	Durbin-Watson
					R Square Change	F Change	df1	df2		
1	,811 ^a	,658	,631	,26706	,658	93,648	4	195	,000	1,866
ANOVA ^a										
Model		Sum of Squares		df	Mean Square	F	Sig.			
1	Regression		26,717	4	6,679	93,648		,000 ^b		
	Residual		13,908	195	,071					
	Total		40,625	199						
Hệ số hồi quy (Coefficients ^a)										
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics			
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF		
1	(Constant)	,569	,153		3,715	,000				
	F1	,196	,020	,410	9,648	,000	,971	1,030		
	F2	,281	,024	,502	11,716	,000	,957	1,045		
	F3	,240	,029	,350	8,206	,000	,963	1,038		
	F4	,134	,025	,234	5,439	,000	,945	1,058		

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

BẢNG 7: VỊ TRÍ QUAN TRỌNG CỦA CÁC NHÂN TỐ

Biến độc lập	Giá trị tuyệt đối	Tỷ trọng (%)
F1 (TTPL)	0,196	23,03
F2 (TTVCBB)	0,281	33,02
F3 (TTCBG)	0,240	28,20
F4 (TTTHUE)	0,134	15,75
Tổng số	0,851	100

Nguồn: Kết quả chiết xuất trên phần mềm SPSS 22.0

là 0,240. Điều này có nghĩa là, khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về tuân thủ các quy định về chế biến gỗ, thì chất lượng mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp tăng thêm 0,240 điểm.

Biến F4 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,134. Điều này có nghĩa là, khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về tuân thủ các quy định về thuế, thì chất lượng mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp tăng thêm 0,134 điểm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp như sau: Nhân tố F2 (Tuân thủ các quy định về vận chuyển buôn bán gỗ) thể hiện vai trò ảnh hưởng lớn nhất (33,02%) tới chất lượng mức độ tuân thủ các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp; Tiếp đến Nhân tố F3 (Tuân thủ các quy định về chế biến gỗ) đóng góp 28,2%; Nhân tố biến F1 (Tuân thủ pháp luật có bằng chứng xác minh sự tuân thủ) đóng góp 23,03%; và Nhân tố biến F4 (Tuân thủ các quy định về thuế) đóng góp 15,75% thể hiện sự ảnh hưởng thấp.

Từ kết quả nghiên cứu, để làng nghề gỗ đáp ứng các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp, Bắc Ninh cần thực hiện một số giải pháp sau:

Đối với các tổ chức doanh nghiệp: Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ cần sự hỗ trợ huấn luyện từ phía

các cơ quan ban ngành để tiếp cận thị trường mới được thuận lợi hơn. Đồng thời, cần chủ động tiếp cận thị trường về nguồn gốc gỗ hợp pháp, áp dụng công nghệ số và sử dụng công cụ trực tuyến khi thực hiện.

Việc triển khai áp dụng các quy định về kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp từ Hiệp định Đối tác Tự nguyện về Thực thi Luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) chỉ nên bắt đầu khi xây dựng được hệ thống rõ ràng hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn khi thực hiện.

Đối với việc quản lý gỗ nhập khẩu. Cần tăng cường cung cấp thông tin về vùng địa hình núi ro qua cán bộ thương vụ ở nước ngoài; Hồ sơ cung cấp cho doanh nghiệp cần chính xác, đúng pháp luật; Cơ quan kiểm lâm xác nhận cho cả một hợp đồng chứ không xác nhận cho từng lô hàng.

Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp công tư giữa hải quan, kiểm lâm, và các cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan thẩm quyền phải công bố loại chứng từ chứng minh gỗ hợp pháp của đơn vị hoặc quốc gia xuất khẩu gỗ.

Đối với việc cấp phép xuất khẩu. Việc cấp phép Thực thi Luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (FLEGT) cho các doanh nghiệp đã góp phần giúp các doanh nghiệp đóng góp vào phát triển công nghiệp phụ trợ để hiện đại hóa ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tuy nhiên, cần cấp chứng nhận FLEGT cho các doanh nghiệp theo lô gỗ, trừ dẫn khối lượng theo từng lô hàng sản xuất, song chỉ nên cấp phép FLEGT cho doanh nghiệp trong 1 năm. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

- Chính phủ (2006). *Nghị định số 66/2006/NĐ-CP, ngày 07/07/2006 về phát triển ngành nghề nông thôn*
- Chính phủ (2010). *Nghị định số 61/2010/NĐ-CP, ngày 04/06/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012). *Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT, ngày 04/01/2012 quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản*
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016). *Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT, ngày 14/10/2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, Hà Nội*
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018). *Báo cáo dự thảo về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp của Việt Nam, Hà Nội*
- Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền (2011). *Báo cáo xác định các bên liên quan FLEGT*. Hà Nội
- Nguyễn Tôn Quyền, Trần Hữu Nghị (2011). *Báo cáo Nghiên cứu những sáng kiến, kinh nghiệm của Việt Nam về việc tăng cường phát triển sản xuất và thương mại gỗ bền vững hơn*. Hà Nội
- Tổng cục Lâm nghiệp (2017). *Toàn văn Hiệp định VPA/FLEGT*. Hà Nội